

Bản án số: 258/2023/HS-PT
Ngày 27 tháng 4 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn
Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25 và 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 754/2022/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh; Do có kháng cáo các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 430/2022/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/. **Đinh Văn B**, sinh năm 1990 tại Hà Nội; Thường trú: thôn Th, xã M, huyện S, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn B và bà Nguyễn Thị Ng; Có vợ và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn B: Luật sư Lê Đình U – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. (có mặt)

2/. **Phạm Nguyễn Đăng Kh**, sinh năm 1974 tại Cà Mau; Thường trú: đường số 2, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: lý lịch bị can không thể hiện; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Đình Th và bà Nguyễn Yến H; Có vợ và 02 con sinh năm 2003 và năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2019. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh: Luật sư Nguyễn Thiên Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có 05 bị cáo khác và 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 17/12/2019, tại sân Nhà máy A, địa chỉ: đường C, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an chủ trì phối hợp với Cục An ninh Quân đội và các lực lượng chức năng, bắt quả tang Trần Quốc V, Đào Văn T và Thái Hồng T1 đang có hành vi bóc dỡ hàng hóa có nguồn gốc là hàng quá cảnh, từ trên xe ô tô biển kiểm soát 51D-496.93 xuống sân Nhà máy A. Trước đó, Trần Quốc V cùng với Đào Văn T và Thái Hồng T1 đã tổ chức tháo ốc vít chốt khóa cửa thùng xe ô tô biển kiểm soát 51D-601.53 chuyển hàng hóa trong xe xuống khu vực sân Nhà máy A, đồng thời đưa hàng hóa khác có giá trị thấp, với số lượng ít vào thùng xe và lắp lại chốt khóa thùng xe như ban đầu và đã yêu cầu lái xe chở hàng hóa lên cửa khẩu M - Tây Ninh để xuất sang Campuchia theo lộ trình hợp thức hóa hồ sơ hàng hóa nhập khẩu quá cảnh; xe biển kiểm soát số 51D-497.18 đang đỗ trong khu vực Nhà máy A, chờ bóc hàng xuống thì bị bắt quả tang.

Tang vật tạm giữ gồm 10 tấn hàng hóa các loại (hàng hóa trên 03 chiếc xe ô tô nói trên), 03 xe ô tô tải, 01 xe nâng, 01 xe máy, điện thoại di động, 09 bộ hồ sơ hải quan do Công ty TNHH dịch vụ D đứng tên mở tờ khai thể hiện vận chuyển hàng hóa gồm: dầu gội, sữa tắm, máy vi tính, điện thoại di động... từ Kho T thuộc Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa T (T) đi Campuchia, con dấu và dấu chữ ký của Công ty TNHH dịch vụ D, con dấu và dấu chữ ký của Công ty FIRST PRO SOLUTION co., LTD, Campuchia.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã tiến hành khám xét căn nhà thuộc sở hữu của Trần Lê Ch, SN 1975, tại số: đường N, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (Ch là chị ruột V), thu 04 ổ cứng máy tính có lưu các tờ khai hải quan hàng quá cảnh của Công ty TNHH dịch vụ D (gồm cả những tờ khai cho 09 Bill hàng, ngày 17/12/2019), các vận đơn, một số Seal hải quan, 14 con dấu công ty của Việt Nam và Campuchia; 28 dấu tên, dấu chức danh và dấu chữ ký của giám đốc các Công ty Việt Nam và Campuchia; Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH dịch vụ D.

Quá trình điều tra xác định hàng hóa trên là của Phạm Nguyễn Đăng Kh, Đinh Văn B và của một người tên H. Lê Nguyên Kh1 là người chỉ đạo việc mở tờ khai nhập khẩu lô hàng, thông qua pháp nhân là Công ty TNHH dịch vụ D.

Tại cơ quan điều tra, Trần Quốc V khai nhận: V là người thuê sân bãi trong khu vực Nhà máy A từ chị V – kế toán của Nhà máy A (địa chỉ: đường C, Phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) làm nơi đỗ xe tải của V (biển

kiểm soát 51D-496.93 và 51D-497.18) và làm nơi tập kết hàng quá cảnh (hàng hóa chở từ kho T đường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh về kho Nhà máy A). Ngày 17/12/2019, sau khi nhận được vận đơn hàng không của các chủ hàng Phạm Nguyễn Đăng Kh, Đinh Văn B và một người tên H gửi qua ứng dụng Viber, Trần Quốc V sử dụng pháp nhân Công ty TNHH dịch vụ D mở tờ khai nhập quá cảnh về Việt Nam qua cửa khẩu T để xuất sang Campuchia qua cửa khẩu M – Tây Ninh. Hàng hóa theo tờ khai gồm bột ăn dặm trẻ em, nước xả vải, bột giặt, sữa tắm, sữa bột... có giá trị khai báo là 15.877 USD và 9.520 AUD. Trần Quốc V chỉ đạo Đào Văn T và Thái Hồng T1 điều khiển xe 51D-496.93 và 51D-497.18, thuê thêm 01 xe 51D-601.53 để nhận hàng từ kho T (V là người trực tiếp điều hành việc đưa hàng lên các xe ô tô này). Sau khi hàng hóa được xếp lên hết 03 xe, cán bộ hải quan Chi cục hải quan cửa khẩu sân bay T kiểm tra, gắn niêm phong bằng seal hải quan vào vị trí khóa cửa và bên hông thùng hàng lên các xe. Sau đó, V chỉ đạo 03 lái xe chở hàng về sân nhà máy A. Tại đây, V, T và T1 sử dụng tô vít tháo ốc vít tại vị trí chốt khóa cửa có gắn seal hải quan sau thùng hàng trên xe 51D-601.53, V là người trực tiếp điều khiển xe nâng để đưa hàng từ trong xe xuống, phân loại xếp thành khu vực khác nhau theo vận đơn của các chủ hàng để thuận tiện giao hàng. Sau khi bốc xếp xong, V đưa hàng có giá trị thấp và số lượng ít (1-2 kiện nước giặt, bột giặt đã chuẩn bị từ trước) vào thùng xe 51D-601.53, gắn lại chốt cửa có gắn niêm phong seal hải quan, chỉ đạo lái xe vận chuyển lên cửa khẩu M – Tây Ninh làm thủ tục xuất sang Campuchia nhằm hợp thức hóa việc đánh tráo hàng tại sân Nhà máy A cho các chủ hàng. Sau khi xe 51D-601.53 di chuyển đi Tây Ninh, Trần Quốc V cùng Đào Văn T và Thái Hồng T1 tiếp tục tháo chốt khóa cửa có gắn seal hải quan ở cửa sau thùng hàng xe tải 51D-496.93 bốc xếp hàng hóa xuống; khi V, T, T1 đang bốc xếp hàng hóa từ xe 51D-496.93 xuống sân trong khu vực Nhà máy A thì bị kiểm tra, bắt giữ. Riêng hàng hóa trên xe tải 51D-497.18 còn nguyên trên xe đang chờ bốc dỡ.

Đồng thời, Trần Quốc V khai: Trần Lệ Ch (chị gái V, đồng thời là vợ cũ của Kh1) chịu trách nhiệm tính toán số tiền phải trả của các chủ hàng; giao cho V trực tiếp giao dịch với khách hàng, thực hiện mở tờ khai hải quan, thuê người vận chuyển và đánh tráo hàng để giao cho các chủ hàng, thu tiền từ các chủ hàng, chuyển cho Trần Lệ Ch để đưa lại cho Kh1. Mọi chi phí cho việc đưa hàng từ nước ngoài về do Kh1 thanh toán như trả lương cho V 20 triệu đồng/tháng, lương lái xe 12 triệu đồng/tháng, lương bảo vệ 06 triệu đồng/tháng, chi tiền thuê kho bãi, chi tiền cho dịch vụ mở công ty... Trần Quốc V là người đứng ra nhờ chị ruột là Trần Lệ Ch thuê người làm dịch vụ thành lập Công ty và khắc các con dấu Công ty TNHH xuất nhập khẩu N, Công ty TNHH V và Công ty TNHH dịch vụ D, để đứng tên nhận vận chuyển, mở tờ khai hải quan hàng quá cảnh, đưa hàng từ nước ngoài về Việt Nam cho các chủ hàng có tên là H, Kh, Đ, H1, T2, Th, B1, H2. Ngoài ra, V còn thuê dịch vụ khắc dấu công ty “F Co.,LTD” có địa chỉ tại Campuchia, để đứng tên trên vận đơn hàng không (Air Waybill) là đơn vị nhập khẩu hàng tại Campuchia, thực tế không có công ty này tại Campuchia. Trần Quốc V là người trực tiếp liên hệ với các chủ hàng (Đinh

Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh...) qua phần mềm viber (từ các số điện thoại 0904272718, 0706801360) nhận các thông tin (vận đơn hàng không-Air Waybill...) các lô hàng của chủ hàng, để thực hiện mở tờ khai hải quan, trực tiếp điều hành 02 tài xế (Đào Văn T, Thái Hồng T1) tháo các ốc vít chốt khóa của thùng xe để đánh tráo hàng quá cảnh đưa ra ngoài, đưa hàng hóa khác có giá trị thấp và số lượng ít vào lại thùng xe, đồng thời chỉ đạo T và T1 lái xe xuất hàng sang Campuchia theo quy định để hợp thức hóa. V cũng là người trực tiếp thanh toán tiền lương cho các lái xe và bảo vệ.

Đào Văn T, Thái Hồng T1 (vào lái xe cho V từ tháng 10 và tháng 11/2019), khai nhận phù hợp với lời khai của V và tài liệu thu thập được. Trong đó, Đào Văn T và Thái Hồng T1 khai nhận, thực hiện chỉ đạo của Trần Quốc V, từ lúc vào lái xe đến khi bị bắt. Tất cả hàng hóa đều được đánh tráo tại sân Nhà máy A, đường C, Phường 12, quận T, sau khi đưa hàng hóa khác với giá trị thấp và số lượng ít hơn hàng đã lấy ra vào thùng xe, gắn chốt khóa cửa có gắn Seal Hải quan ở cửa sau thùng hàng của xe tải để đảm bảo nguyên vẹn như ban đầu, T và T1 điều khiển xe tải chở hàng đến cửa khẩu M - tỉnh Tây Ninh. Theo chỉ đạo của V, T sẽ liên hệ với người tên Phương (không có đầy đủ thông tin cá nhân người này), để người này làm thủ tục cho người, xe, hàng hóa qua Campuchia hợp thức hóa số hàng hóa mà V đã đánh tráo giao cho các chủ hàng ở Việt Nam trước đó. Sau khi qua Campuchia cách cửa khẩu M khoảng 2 đến 3km, theo chỉ đạo của V, T tiếp tục liên hệ người tên Th1 (không có đầy đủ thông tin cá nhân người này) để được hướng dẫn trả số hàng hóa (đã đánh tráo) tại một bãi tập kết (T và T1 không biết vị trí cụ thể bên Campuchia). Thái Hồng T1 khai phù hợp với lời khai của Đào Văn T, Trần Quốc V và phù hợp kết quả xác minh tại Đồn biên phòng cửa khẩu M, tỉnh Tây Ninh.

Phạm Nguyễn Đăng Kh, khai: Tháng 9/2019, thông qua sự giới thiệu của H (đang định cư tại Canada) thì Kh biết Lê Nguyên Kh1 chuyên nhận nhập hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam qua đường hàng không tại Sân bay T, Kh đặt vấn đề nhờ Kh1 nhập khẩu hàng từ Mỹ và một số nước khác gửi về Việt Nam, Kh1 đồng ý và gửi cho Kh mẫu vận đơn hàng không (Air Waybill), để Kh thông tin cho khách hàng ở nước ngoài khi gửi hàng về Việt Nam cần khai báo ghi thông tin về Công ty nhập khẩu, Công ty nhận hàng vận chuyển, đồng thời thỏa thuận về giá vận chuyển hàng từ nước ngoài về từ 55.000đ đến 60.000đ/lkg hàng hóa, thông qua Kh1 giới thiệu Trần Quốc V là người trực tiếp giao dịch việc giao nhận hàng hóa với Kh. Tháng 10/2019, Kh nhờ và được Lê Nguyên Kh1, Trần Quốc V nhập về Việt Nam bằng hình thức nhập khẩu hàng quá cảnh qua Sân bay Quốc tế T, để chuyển qua Campuchia, nhưng đã đánh tráo lấy hàng hóa nhập khẩu ra để giao cho Kh lô hàng đầu tiên. Sau một thời gian Trần Quốc V gửi một mẫu vận đơn hàng không (Air Waybill) khác, yêu cầu Kh khai Công ty TNHH dịch vụ D (là đơn vị nhận hàng tại Việt Nam), Công ty F Co.,LTD tại Campuchia (là đơn vị nhập khẩu hàng hóa).

Đối với lô hàng hóa của Kh bị bắt ngày 17/12/2019: Theo hướng dẫn của Trần Quốc V, Kh đã yêu cầu và được phía nước ngoài (Mỹ) điền thông tin trên

vận đơn hàng không (Air Waybill) số 988-24380904 đề ngày 11/12/2019, ghi đơn vị xuất khẩu là Công ty PMH Min Company tại Mỹ, trọng lượng 1.495kg; vận đơn số 180-47291565 đề ngày 13/12/2019, ghi đơn vị xuất khẩu là Công ty Global/Goods tại Mỹ, trọng lượng 2.514kg; đơn vị đứng tên nhập khẩu và đơn vị nhận vận chuyển đối với 02 lô hàng này là Công ty F Co.,LTD tại Campuchia và Công ty TNHH dịch vụ D tại Việt Nam. Ngày 12 và 13/12/2019, Kh gửi 02 vận đơn hàng không (Air Waybill) này qua phần mềm ứng dụng Viber số điện thoại 0934077198 của Kh qua phần mềm ứng dụng Viber số điện thoại 0938312308 của V, để khi hàng hóa về đến Kho T, V làm thủ tục nhận và đánh tráo hàng giao cho Kh. Dự kiến số hàng theo 02 vận đơn trên sẽ được V lấy ra giao cho Kh vào ngày 17/12/2019. Tuy nhiên, đến ngày nhận hàng không thấy, sau đó biết Kh1 và V bị cơ quan điều tra bắt, ngày 25/12/2019, Kh đã ra đầu thú khai nhận về hành vi sai phạm của Kh, phù hợp với tin nhắn qua lại giữa Kh và V qua phần mềm Viber về gửi các vận đơn hàng không, thỏa thuận việc giao nhận hàng hóa.

Đinh Văn B khai: Tháng 8/2019, B làm nhân viên bốc xếp tại kho hàng 49 Trường Sơn, quận T, khoảng giữa tháng 9/2019, B được người phụ nữ tên Ng (quen biết từ trước) nhờ tìm người đứng ra nhập hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam qua đường hàng không. Qua tìm hiểu biết Trần Quốc V là người thực hiện được việc nhập hàng cho Ng. Theo thỏa thuận về việc vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam qua đường hàng không với giá 55.000đ đến 60.000đ/1kg hàng hóa, V yêu cầu B liên lạc qua viber, đồng thời cung cấp 01 mẫu vận đơn hàng không (Air Waybill), để phía nước ngoài ghi thông tin khi gửi hàng về Việt Nam phục vụ khai báo (Công ty nhập khẩu, Công ty nhận hàng vận chuyển), B đã trao đổi những nội dung này và được Ng đồng ý. Khoảng tháng 11/2019, Ng gửi vận đơn hàng không (Air Waybill) qua ứng dụng zalo số điện thoại 0966398494 của B, khi hàng về yêu cầu giao tại Kho Q4, đường F, phường T, Quận 12, sau đó B sử dụng số điện thoại số 0398600068 chuyển vận đơn trên gửi qua ứng dụng Viber đến số điện thoại của V (0904272718), để Trần Quốc V thực hiện nhập hàng về Việt Nam, sau khi hàng về Việt Nam thì V chủ động giao hàng đến kho hàng của Ng (theo địa chỉ, số điện thoại đã ghi sẵn trên kiện hàng). Sau khi nhận được hàng Ng sẽ có người chuyển tiền vận chuyển vào tài khoản của B hoặc tài khoản do B chỉ định, từ đó B chuyển thanh toán qua tài khoản cho Trần Quốc V hoặc tài khoản do V chỉ định.

Đối với lô hàng hóa của B bị bắt ngày 17/12/2019: Theo hướng dẫn của Trần Quốc V, B đã chuyển thông tin cho Ng để phía nước ngoài điền thông tin trên vận đơn hàng không (Air Waybill) số 180-47188304, ghi đơn vị xuất khẩu là “NGA HO”, với 23 kiện, có trọng lượng 4.019kg; đơn vị đứng tên nhập khẩu là Công ty F Co.,LTD tại Campuchia và đơn vị nhận vận chuyển là Công ty TNHH dịch vụ D tại Việt Nam, sau khi nhận được vận đơn này từ chị Ng, B sử dụng số điện thoại số 0398600068 chuyển gửi qua ứng dụng Viber đến số điện thoại của V (0904272718) để Trần Quốc V thực hiện nhập về Việt Nam. Ngày 17/12/2019, sau khi biết thông tin V bị bắt, B đã bỏ 02 điện thoại di động vào

thùng rác và ngày 23/12/2019, B đã ra đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Trần Lê Ch khai nhận: Khoảng tháng 9/2019, Lê Nguyên Kh1 và Trần Quốc V giao Ch thực hiện việc tính toán số tiền của từng chủ hàng thuê Kh1 và V đưa hàng từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ thông qua hình thức nhận hàng quá cảnh và thực hiện nhận tiền từ V thu được tiền của các chủ hàng, để đưa cho Kh1. Các số liệu về hàng hóa của từng chủ hàng do Kh1, V cung cấp cho Ch thông qua phần mềm Viber điện thoại để Ch tính toán. Thực hiện yêu cầu của Lê Nguyên Kh1 và Trần Quốc V, Ch đã thuê một người có tên H1 thành lập Công ty TNHH dịch vụ D và khắc con dấu của công ty này với mục đích để mở tờ khai hàng quá cảnh đưa hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ. Sau khi làm xong giấy đăng ký kinh doanh và con dấu Công ty TNHH dịch vụ D, Ch đã đưa cho V để V sử dụng, số tiền thuê dịch vụ mở công ty và làm con dấu Công ty TNHH dịch vụ D hết 10 triệu đồng do V đưa cho Ch để Ch thanh toán cho H1.

Lê Nguyên Kh1 thừa nhận là người giới thiệu Phạm Nguyễn Đăng Kh cho Trần Quốc V thực hiện nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam theo hình thức quá cảnh đi Campuchia. Ngoài ra, Kh1 còn nhận các thông tin của V và Ch qua ứng dụng viber để đối chiếu số liệu hàng hóa, tiền phí vận chuyển với Kh và một số khách hàng khác nhằm thu tiền phí vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam bằng hình thức quá cảnh, nhưng đã đánh tráo để lấy hàng ra giao cho các chủ hàng để nhận tiền công vận chuyển.

Bản Cáo trạng số 391/CTr-VKSTC-P3, ngày 02/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh về tội “Buôn lậu” và các bị cáo Trần Quốc V, Lê Nguyên Kh1, Thái Hồng T1, Đào Văn T, Trần Lê Ch về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” theo điểm a khoản 4 Điều 188 và khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 430/2022/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với 05 bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/9/2023, bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, xử phạt các bị cáo 07 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn B trình bày: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội nên về tội danh Luật sư không có ý kiến. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án này có rất nhiều bị cáo, xét về tổng thể thì hành vi của bị cáo B có vai trò hạn chế hơn so với bị cáo Lê Nguyên Kh1. Hai bị cáo có hành vi tương tự nhau, thậm chí bị cáo Kh1 còn có vai trò tích cực hơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Kh1 về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” và xử phạt tiền; trong khi bị cáo B bị xét xử về tội “Buôn lậu” và phạt 07 năm tù là không đảm bảo tính công bằng đối với bị cáo B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vai trò của bị cáo, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh trình bày: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo chỉ là người làm công, hoàn cảnh gia đình nhiều khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B, Phạm Nguyễn Đăng Kh nằm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh và Đinh Văn B thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 17/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an phối hợp với lực lượng chức năng khác bắt quả tang Trần Quốc V, Đào Văn T, Thái Hồng T1 đang bóc dỡ hàng hóa có nguồn gốc là hàng quá cảnh. Qua điều tra xác định được Trần Quốc V, Trần Lệ Ch, Lê Nguyên Kh1 thành lập pháp nhân có ngành nghề xuất nhập khẩu hàng hóa để đứng tên vận chuyển hàng hóa quá cảnh vào Việt Nam qua cửa khẩu hải quan T; V thuê Đào Văn T, Thái Hồng T1 chuyển hàng hóa đến kho hàng của V, tháo seal hải quan niêm phong để chuyển hàng hóa trong xe xuống và đưa hàng hóa khác có giá trị thấp, số lượng ít vào thùng xe lắp lại chốt seal; đưa lên cửa khẩu M – Tây Ninh để xuất sang Campuchia. Đối với hàng hóa quá cảnh đã dỡ xuống thì Trần Quốc V, Lê Nguyên Kh1 chỉ đạo T và T1 chuyển đến các chủ hàng chỉ định tại Thành phố Hồ Chí Minh và nhận tiền công vận chuyển. Số hàng hóa này được các chủ hàng đưa ra tiêu thụ ngoài thị trường. Qua điều tra xác định được hàng hóa bị bắt quả tang là của Phạm Nguyễn Đăng Kh, Đinh Văn B và đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch). Theo Kết luận định giá số 5631/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố thì tổng giá trị hàng hóa bị bắt quả tang của Phạm Nguyễn Đăng Kh là 1.780.013.000 đồng; tổng giá trị hàng hóa bị bắt quả tang của Đinh Văn B là 4.113.815.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh và Đinh Văn B phạm tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của cơ quan Nhà nước nên cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Đinh Văn B, người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn B cho rằng bị cáo B có vai trò thấp hơn bị cáo Kh1 và V trong vụ án nên việc xét xử bị cáo B 07 năm tù là chưa đảm bảo tính công bằng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo V, bị cáo Kh1 thực hiện lập tờ khai hải quan, thuê nhân công vận chuyển, giao nhận hàng hóa; sau đó giao lại toàn bộ hàng hóa cho chủ hàng Việt Nam để tiêu thụ ra thị trường, trong đó có bị cáo B. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo B đều có lời khai xác định hàng hóa bị bắt quả tang là của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo Kh1, V là độc lập với bị cáo B, xâm phạm đến các khách thể khác nhau. Trong vụ án này, bị cáo Kh1, V bị xét xử về tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới”; bị cáo B bị xét xử về tội “Buôn lậu” nên việc người bào chữa cho bị cáo B so sánh vai trò của bị cáo B với bị cáo Kh1, V để đề nghị xem xét về hình phạt là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị

cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã ra tự thú, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, trong vụ án có vai trò thứ yếu hơn; từ đó xét xử bị cáo B 07 năm tù - mức khởi điểm của khung hình phạt thấp hơn liền kề là phù hợp là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng đánh giá mặc dù trong vụ án này bị cáo B và Kh không phải là đồng phạm với nhau nhưng thực hiện hành vi có tính chất tương tự; giá trị hàng hóa mà bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội lớn hơn nhiều so với bị cáo Kh. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B và Kh cùng mức hình phạt 07 năm tù là chưa đảm bảo tính công bằng và phân hóa tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kh, giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đinh Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn B.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 430/2022/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn B 07 (bảy) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh 06 (sáu) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Đinh Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Nguyễn Đăng Kh không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (3);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (2);
- BCTN (1);
- Lưu VP(3), HS(2).17b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng